TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU NGANG** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày 02/3/2023.
"V/v Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Huỳnh Văn Đương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đầy, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tấn An– Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 114/2022/TLST-HNGĐ, ngày 02/12/2022, về việc *"Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 50/2023/QĐXXST-HN, ngày 14/02/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn L , sinh năm 1986. Địa chỉ: Ấp H, xã M , huyện Cầu ngang, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Chị Trần Thị Mỹ P , sinh năm 1987. Địa chỉ: Ấp H , xã M, huyện Cầu ngang, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2022 và trong quá trình xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Văn L trình bày:

- *Về hôn nhân:* Anh và chị P xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn ngày 03/8/2019 tại UBND xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Khi tiến đến hôn nhân, anh và chị Phúc có quen nhau khoảng 02 tháng, có làm lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới đã bán hết không còn. Sau ngày cưới, chị P sống bên anh khoảng 01 tháng thì về bên chị P sống khoảng 03 tháng, do sống chung không được nên mới cất chòi (ngoài đồng) ở riêng trồng rẫy, hoa màu để sinh sống. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu

thuẫn về ứng xử giao tiếp, lối sống và chi tiêu tiền bạc trong gia đình, chị P không tôn trọng gia đình anh, không có tiền để chi tiêu thì chị P kiếm chuyện gây gỗ cự cải xúc phạm lẫn nhau…sự việc kéo dài nhiều tháng nhưng không khắc phục, đến ngày 20/10/2022 thì vợ chồng sống ly thân đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm với nhau, sự việc xảy ra cha mẹ hai bên biết nhưng không có ý kiến gì. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

- *Về con chung:* Anh và chị P chung sống không có sinh con chung.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Anh không tranh chấp, không khởi kiện.

Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa lần thứ nhất, chị Trần Thị Mỹ P vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên.

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tống đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh L, xử cho anh L được ly hôn với chị P, về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không xem xét giải quyết. Buộc anh L nộp án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy chị Trần Thị Mỹ P là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ nhất, chị P vắng mặt và có làm đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy anh L khởi kiện chị P yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị P, ngoài ra không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ pháp luật giải quyết là "*Tranh chấp ly hôn*", thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn:

- *Về hôn nhân*: Xét thấy anh L và chị P xác lập hôn nhân và có đăng ký kết hôn vào ngày 03/8/2019 tại UBND xã M, huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng cùng đi đăng ký kết hôn. Từ đó xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng:

Anh L khai: Sau ngày cưới, chị P sống bên anh khoảng 01 tháng thì về bên chị P sống khoảng 03 tháng, do sống chung không được nên mới cất chòi (ngoài đồng) ở riêng trồng rẫy, hoa màu để sinh sống. Quá trình chung sống thì phát sinh mâu thuẫn về ứng xử giao tiếp, lối sống và chi tiêu tiền bạc trong gia đình, chị P không tôn trọng gia đình anh, không có tiền để chi tiêu thì chị P kiếm chuyện gây gỗ cự cải xúc phạm lẫn nhau…sự việc kéo dài nhiều tháng nhưng không khắc phục, đến ngày 20/10/2022 thì vợ chồng sống ly thân đến nay, mạnh ai nấy sống, không quan tâm với nhau, sự việc xảy ra cha mẹ hai bên biết nhưng không có ý kiến gì. Nay anh xét thấy tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị P.

Đối với chị P: Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho chị P nhận để chị tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải chị P đều vắng mặt không lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, hôm nay tại phiên tòa lần nhất chị P tiếp tục vắng mặt, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh L và chị P xảy ra từ tháng 10 năm 2022 đến nay, anh chị đều bỏ mặt, mạnh ai nấy sống, không quan tâm đến tình nghĩa vợ chồng, đã ly thân nhau gần 05 tháng, anh L xác định tình cảm không còn và cương quyết xin ly hôn không chung sống với chị P, tại bản tự khai đề ngày 31/01/2023 chị P cũng đồng ý ly hôn với anh L, từ đó làm cho mâu thuẫn tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của anh L, xử cho anh L được ly hôn với chị P là đúng quy định pháp luật.

- *Về nuôi con:* Anh L và chị P chung sống không có sinh con.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả:* Do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện. Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Văn L có nghĩa vụ nộp theo quy định pháp luật.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên trình bày về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228; 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn L.

- *Về hôn nhân:* Xử cho anh Nguyễn Văn L được ly hôn với chị Trần Thị Mỹ P.

- *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Buộc anh Nguyễn Văn L nộp 300.000 đồng nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp theo biên lai thu tiền số 0013168, ngày 28/11/2022 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Anh Nguyễn Văn L đã nộp đủ án phí.

- *Về quyền kháng cáo:*

+ Anh Nguyễn Văn L có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

+ Chị Trần Thị Mỹ P vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự"./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- UBND xã B, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.